

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án mở rộng năng lực thử nghiệm, chứng nhận chất lượng cho Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa, giai đoạn từ 2021 - 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 04/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược quốc gia an toàn thực phẩm giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của liên bộ: Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện, trình tự, thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 5135/QĐ-UBND ngày 0/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Đề án nâng cao năng lực quản lý chất lượng an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1339/SNN&PTNT-QLCL ngày 07/4/2021; của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1419/SKHĐT-KTNN ngày 10/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án mở rộng năng lực thử nghiệm, chứng nhận chất lượng cho Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025, với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: xây dựng hệ thống thử nghiệm, chứng nhận chất lượng của Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản hiện đại, đồng bộ đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 và ISO/IEC 17065:2012 và tiêu chí của phòng thử nghiệm, tổ chức chứng nhận khu vực Bắc Trung Bộ. Chủ động trong việc kiểm soát chất lượng an toàn thực phẩm; hỗ trợ, phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm của cơ quan quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ kiểm nghiệm, chứng nhận chất lượng an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và các tỉnh lân cận.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Xây dựng phòng kiểm nghiệm thuộc Trung tâm đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 có kết quả phép thử được thừa nhận trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương và trên quốc tế, có đủ năng lực thực hiện các nội dung:

- Phân tích định lượng trên 500 phép thử về hoá học và sinh học.
- Phân tích sàng lọc, định danh được khoảng trên 10.000 loại hóa chất và khoảng từ 3.000 - 5.000 loại vi sinh vật khác nhau.

2.2. Xây dựng Trung tâm thành tổ chức chứng nhận đạt chuẩn ISO/IEC 17065:2012; TCVN ISO/IEC 17021-1:2015 là tổ chức chứng nhận có quy mô lớn, hoạt động đa ngành và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động đánh giá sự phù hợp, có thể thực hiện đánh giá chứng nhận được các lĩnh vực sau:

- Duy trì năng lực chứng nhận cho 11 loại sản phẩm.
- Mở rộng lĩnh vực chứng nhận 11 loại sản phẩm trở lên.

2.3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ thử nghiệm và chứng nhận chất lượng vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông, lâm, thủy sản và thực phẩm của Trung tâm; trọng tâm đến năm 2025, tăng 200% số lượng mẫu thử nghiệm, sản phẩm chứng nhận phục vụ công tác quản lý nhà nước, dịch vụ công cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn trong và ngoài tỉnh.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nghiên cứu xây dựng và phát triển lĩnh vực thử nghiệm định danh, sàng lọc hóa chất độc hại tại Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa

1.1. Nhiệm vụ

1.1.1. Nội dung: xây dựng phòng Kiểm nghiệm chất lượng thuộc Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa đủ năng lực định danh, sàng lọc hoá chất, vi sinh vật độc hại được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Văn Phòng Công nhận chất lượng công nhận đạt VILAS.

1.1.2. Phạm vi thực hiện

- Định danh trên 10.000 loại hóa chất độc hại (*trong đó, hóa chất trong thuốc trừ sâu trên 2.000 hoạt chất; kháng sinh, chất cấm trên 1.600 hoạt chất; thuốc nhuộm, màu thực phẩm trên 160 hoạt chất, nhóm thảo dược, đông dược trên 6.000 hoạt chất...*) trên hệ thống trang thiết bị sắc ký lỏng siêu hiệu năng ghép khối phổ lai tứ cực và thời gian bay LC/Q-TOP.

- Định danh từ 3.000 - 5.000 vi sinh vật các loại trên hệ thống định danh vi sinh vật Vitek MS.

1.1.3. Đối tượng sản phẩm: trong vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông, lâm, thủy sản, thực phẩm, nước, môi trường, đất...

1.2. Giải pháp thực hiện

1.2.1. Giải pháp về trang thiết bị, hoá chất, dụng cụ

- Đầu tư mua sắm, lắp đặt Hệ thống sắc ký lỏng siêu hiệu năng ghép khối phổ lai tứ cực và thời gian bay LC/Q-TOP, Hệ thống định danh vi sinh vật Vitek MS và các hệ thống trang thiết bị phụ trợ, dụng cụ, hóa chất, chất chuẩn, vật tư tiêu hao,...

- Tổ chức vận hành và hiệu chuẩn thiết bị sau khi lắp đặt.

1.2.2. Giải pháp về cơ sở hạ tầng

- Bổ sung thêm cơ sở hạ tầng phòng thử nghiệm để lắp đặt hệ thống sắc ký lỏng siêu hiệu năng ghép khối phổ lai tứ cực và thời gian bay LC/Q-TOP; hệ thống định danh vi sinh vật Vitek MS và các hệ thống trang thiết bị phụ trợ, phòng xử lý, ...

- Cải tạo, sửa chữa phòng thí nghiệm, cơ sở hạ tầng phù hợp để lắp đặt hệ thống LC/Q-TOP theo đúng tiêu chuẩn.

- Phương thức thực hiện:

+ Chuyển toàn bộ diện tích văn phòng làm việc 300 m², tại 17 Dốc Ga, Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa hiện Chi cục Quản lý chất lượng Nông, lâm sản và Thủy sản đang sử dụng sang Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản để nâng cấp, cải tạo điện, nước, cháy nổ, môi trường làm việc,... đảm bảo tiêu chuẩn phòng thử nghiệm.

+ Bố trí trụ sở làm việc cho Chi cục Quản lý chất lượng Nông, lâm sản và Thủy sản Thanh Hóa theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND đã được phê duyệt Quyết định số 5135/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2020.

1.2.3. Giải pháp về nhân lực

- Bổ sung thêm 01 kiểm nghiệm viên (*hợp đồng tự trang trải*) có trình độ chuyên môn là một trong các ngành sau: kỹ sư hoá thực phẩm, kỹ sư nông nghiệp, cử nhân hoá phân tích trở lên.

- Tổ chức đào tạo chuyên sâu về thiết bị và kỹ thuật kiểm nghiệm trên hệ thống LC/Q-TOP.

- Tổ chức đào tạo, tự đào tạo cho cán bộ quản lý chất lượng phòng thí nghiệm áp dụng cho lĩnh vực này; tích hợp, bổ sung hệ thống quản lý chất lượng cho phòng kiểm nghiệm.

1.2.4. Giải pháp về môi trường

- Nâng cấp công suất hệ thống xử lý khí thải, nước thải, hệ thống các đường ống kết nối với các phòng lắp đặt thiết bị và phòng làm việc mới.
- Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng hệ thống đảm bảo công suất hoạt động khi được trang bị thêm hệ thống thiết bị.

2. Mở rộng lĩnh vực thử nghiệm định lượng các chỉ tiêu hóa học và sinh học

2.1. Nhiệm vụ

2.1.1. Nội dung: mở rộng năng lực thực hiện kiểm nghiệm định lượng các chất hoá học và sinh học của phòng Kiểm nghiệm chất lượng thuộc Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Văn Phòng Công nhận chất lượng chứng nhận, công nhận đạt VILAS và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị chức năng có liên quan chỉ định.

2.1.2. Phạm vi thực hiện: định lượng 500 chỉ tiêu hóa học và sinh học trên hệ thống trang thiết bị hiện có của Trung tâm, trong đó:

- Chỉ tiêu hóa học: 480 chỉ tiêu.
- Chỉ tiêu sinh học: 20 chỉ tiêu.

2.1.3. Đối tượng sản phẩm: trong vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông, lâm, thủy sản, thực phẩm, nước, môi trường, đất,...

2.2. Giải pháp thực hiện

2.2.1. Giải pháp về thiết bị, hoá chất, chất chuẩn và dụng cụ

- Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng và hiệu chuẩn hệ thống trang thiết bị.
- Thực hiện kiểm định các loại thiết bị đo (*khối lượng, nhiệt lượng, độ ẩm...*) theo quy định hiện hành.
- Mua sắm bổ sung các loại dụng cụ, hóa chất, chất chuẩn, vật tư tiêu hao,...

2.2.2. Giải pháp về nhân lực

- Bổ sung thêm 01 kiểm nghiệm viên (*ký hợp đồng tự trang trải*) có trình độ chuyên môn là một trong các ngành sau: kỹ sư hoá thực phẩm, kỹ sư nông nghiệp, cử nhân hoá phân tích trở lên.
- Tổ chức đào tạo chuyên sâu về thiết bị và kỹ thuật kiểm nghiệm trên hệ thống sắc ký lỏng, sắc ký khí, máy quang phổ đối với những chỉ tiêu mở rộng.
- Tổ chức đào tạo, tự đào tạo cho cán bộ quản lý chất lượng phòng thí nghiệm áp dụng cho lĩnh vực này.

2.2.3. Giải pháp về công tác quản lý chất lượng

- Tích hợp, bổ sung hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 17025 cho phòng kiểm nghiệm đối với các chỉ tiêu mở rộng.
- Thực hiện thử nghiệm chéo, thành thạo trong phòng kiểm nghiệm để đảm bảo kỹ năng, chất lượng thực hiện kiểm nghiệm của các kiểm nghiệm viên.
- Tham gia thử nghiệm liên phòng để đảm bảo chất lượng thực hiện kiểm nghiệm của các kiểm nghiệm viên và độ chính xác của kết quả phép thử.

3. Mở rộng lĩnh vực hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và chứng nhận chất lượng sản phẩm

3.1. Nhiệm vụ: duy trì và mở rộng năng lực thực hiện đánh giá chứng nhận của Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Văn Phòng Công nhận chất lượng (BoA) - Bộ Khoa học và Công nghệ chứng nhận, công nhận đạt VICAS.

3.2. Phạm vi thực hiện

3.2.1. Duy trì chứng nhận hệ thống quản lý và chất lượng sản phẩm
Gồm 11 loại sản phẩm chứng nhận sau:

- ISO 9001:2015. Hệ thống quản lý chất lượng.
- ISO 22000:2018. Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm.
- HACCP. Hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn.
- TCVN 11856:2017 Chợ kinh doanh thực phẩm.
- GMP Thực hành sản xuất tốt.
- TCVN 11892:2017 Thực hành nông nghiệp tốt (*VietGAP trồng trọt*).
- Quy trình thực hành chăn nuôi tốt (*VietGAHP chăn nuôi*) theo Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (*VietGAP thủy sản*) theo Quyết định số 3824/QĐ-BNN-TCTS ngày 06 tháng 09 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- QCVN 01-183:2016/BNNPTNT - Thức ăn chăn nuôi - Quy định giới hạn tối đa cho phép hàm lượng độc tố nấm mốc, kim loại nặng và vi sinh vật trong thức ăn hỗn hợp cho gia súc, gia cầm.
- QCVN 01-190: 2020/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật về thức ăn chăn nuôi - Hàm lượng tối đa cho phép các chỉ tiêu an toàn trong thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản.
- QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón.

3.2.2. Mở rộng lĩnh vực chứng nhận hệ thống quản lý và chất lượng sản phẩm: 11 tiêu chuẩn, cụ thể:

- TCVN 11041-1,2,3:2017 Nông nghiệp hữu cơ - Phần 1: Yêu cầu chung đối với sản xuất, chế biến, ghi nhãn sản phẩm nông nghiệp hữu cơ - Phần 2: Trồng trọt hữu cơ - Phần 3: Chăn nuôi hữu cơ (03 tiêu chuẩn).
- TCVN 5107:2018 Nước mắm.
- QCVN 4-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất điều vị.
- QCVN 4-6:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất chống oxy hoá.
- QCVN 4-8:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất tạo ngọt tổng hợp.
- QCVN 4-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Phẩm màu.
- QCVN 4-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ gia thực phẩm - Chất bảo quản.
- ISO 28000:2013 Quy định đối với hệ thống quản lý an toàn chuỗi cung ứng.
- ISO 14001:2015. Hệ thống quản lý môi trường.
- ISO 45001:2018. Hệ thống quản lý an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp.
- ISO 13485:2016. Hệ thống quản lý trang thiết bị y tế.

3.3. Giải pháp thực hiện

- Bổ sung thêm 03 đánh giá viên (*hợp đồng tự trang trải*) có trình độ chuyên môn là một trong các ngành sau: kỹ sư công nghệ sinh học, kỹ sư nông nghiệp, cử nhân công nghệ môi trường trở lên.
- Phối hợp với cơ sở đào tạo đáp ứng quy định tại Thông tư số 36/2014/TT-BKHCN ngày 12/12/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ trong quá trình thực hiện hoạt động đào tạo.
- Phối hợp với các tổ chức chứng nhận khác đã được các bộ: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế,... công nhận, chỉ định để bổ sung, hoàn thiện kinh nghiệm đánh giá cho chuyên gia đánh giá theo đúng quy định hiện hành.
- Xây dựng, bổ sung quy trình, quy định, hướng dẫn theo hệ thống quản lý chất theo ISO/IEC 17065 cho các lĩnh vực chứng nhận mở rộng.

4. Nâng cao hiệu quả phục vụ công tác quản lý nhà nước và dịch vụ công về kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng

4.1. Nhiệm vụ: nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ kiểm nghiệm, chứng nhận của Trung tâm, trong đó:

- Tăng 200% số lượng mẫu kiểm nghiệm và sản phẩm chứng nhận phục vụ công tác quản lý nhà nước, dịch vụ công cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn trong và ngoài tỉnh.

- Rút ngắn thời gian thực hiện nhiệm vụ và đảm bảo độ chính xác các kết quả kiểm nghiệm và công tác chứng nhận.

- Tăng cường tính khoa học, khách quan trong quá trình thực hiện thử nghiệm và chứng nhận.

4.2. Chỉ tiêu nhiệm vụ

- Công tác kiểm nghiệm mẫu: 10.000 mẫu/năm, khoảng 35.000 chỉ tiêu; trong đó:

- + Lấy mẫu giám sát an toàn thực phẩm và phục vụ công tác quản lý nhà nước các cấp là: 7.000 mẫu, tương ứng khoảng 25.000 chỉ tiêu.

- + Dịch vụ công cho các cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông, lâm, thủy sản và thực phẩm: 3.000 mẫu, tương ứng khoảng 10.000 chỉ tiêu.

- Công tác chứng nhận: hàng năm, thực hiện dịch vụ công về chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, chứng nhận chất lượng sản phẩm (VietGAP, HACCP, GMP,...): 200 sản phẩm.

4.3. Giải pháp thực hiện

4.3.1. Giải pháp tăng số lượng mẫu và sản phẩm chứng nhận

- Thực hiện tốt Chương trình lấy mẫu giám sát an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục thực hiện Chương trình lấy mẫu giám sát an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh trong những năm tiếp theo.

- Tăng cường phối hợp với cơ quan quản lý các cấp trong phục vụ công tác quản lý nhà nước và dịch vụ công cho các cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông, lâm, thủy sản, thực phẩm,... trong kiểm nghiệm, kiểm soát chất lượng sản phẩm, chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi tiêu thụ trên thị trường trong và ngoài tỉnh.

- Tăng cường quảng bá năng lực, hình ảnh của Trung tâm trên phương tiện thông tin đại chúng, trong đó tập trung quảng bá trên Website của Trung tâm "**thanhhoaquatestcert.gov.vn**".

4.3.2. Giải pháp để rút ngắn thời gian thực hiện nhiệm vụ kiểm nghiệm và chứng nhận

- Rà soát sửa đổi, bổ sung các quy trình, hoàn thiện các hệ thống quản lý chất lượng để giảm bớt các khâu trung gian trong suốt quá trình từ nhận mẫu đến trả kết quả.

- Xây dựng, ứng dụng phần mềm quản lý, công nghệ thông tin trong quá trình thực hiện kiểm nghiệm và chứng nhận.

- Xây dựng, ban hành, triển khai quyết liệt các quy định, tiêu chuẩn về ý thức, trách nhiệm thực thi nhiệm vụ đối với cán bộ, nhân viên trong Trung tâm.

4.3.3. Giải pháp đảm bảo độ chính xác kết quả kiểm nghiệm

- Tăng cường thực hiện công tác kiểm soát thử nghiệm (*thiết bị, hoá chất, môi trường, dụng cụ ...*) đảm bảo theo quy định.

- Định kỳ thực hiện thử nghiệm tay nghề, giám sát chất lượng nội bộ để có đánh giá chính xác kỹ năng thực hiện của các kiểm nghiệm viên và chuyên gia đánh giá.

- Tham gia đầy đủ các chương trình thử nghiệm thành thạo/so sánh liên phòng do các cơ quan, tổ chức được các bộ ngành chỉ định thực hiện.

III. NGUỒN KINH PHÍ VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN

1. Nhu cầu kinh phí và nguồn kinh phí

Tổng kinh phí thực hiện Đề án là 31.500 triệu đồng (*ba mươi một tỷ năm trăm triệu đồng*); trong đó:

- Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ: 23.000 triệu đồng.

- Nguồn kinh phí từ nguồn dịch vụ tại đơn vị và các nguồn xã hội hóa khác: 8.500 triệu đồng.

2. Phân kỳ thực hiện

- Năm 2021 - 2022: 3.350 triệu đồng để thực hiện nhiệm vụ “mở rộng lĩnh vực thử nghiệm định lượng các chỉ tiêu hóa học và sinh học” từ nguồn dịch vụ của Trung tâm.

- Năm 2023 - 2025: 28.150 triệu đồng. Căn cứ vào nhiệm vụ được giao, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất dự án, nhiệm vụ từ nguồn ngân sách tỉnh và nguồn dịch vụ công của Trung tâm, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các cơ quan có liên quan tham mưu xây dựng, trình Chủ tịch UBND tỉnh kế hoạch, dự án để triển khai, thực hiện Đề án.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả, khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp trong quá trình thực hiện.

2. Sở Khoa học và Công nghệ: phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc lựa chọn các giải pháp về Khoa học và Công nghệ, đề tài ứng dụng các tiến bộ trong lĩnh vực kiểm nghiệm, thử nghiệm chất lượng.

3. Các Sở Y tế, Sở Công thương: phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc xây dựng định hướng phát triển lĩnh vực phục vụ quản lý nhà nước của Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông,

lâm, thủy sản đối với công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm do ngành mình quản lý.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh lồng ghép các dự án đầu tư, tạo nguồn lực tổng hợp thực hiện Đề án.

5. Sở Tài chính: căn cứ vào dự toán kinh phí hàng năm, tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh bố trí vốn từ nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện Đề án. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý kinh phí thực hiện Đề án.

6. Sở Nội vụ: phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định Đề án vị trí việc làm của Trung tâm trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, làm cơ sở để phát triển nguồn nhân lực của Trung tâm.

7. Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm thủy sản

- Nghiên cứu, phát huy hiệu quả các trang thiết bị được đầu tư; xây dựng, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ để mở rộng năng lực kiểm nghiệm, chứng nhận, đáp ứng các yêu cầu của công tác quản lý nhà nước về chất lượng.

- Tự cân đối kinh phí, tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, dự án có sử dụng nguồn thu từ dịch vụ công của đơn vị.

(Nội dung chi tiết của Đề án kèm theo Công văn số 1339/SNN&PTNT-QLCL ngày 07/4/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Y tế; Giám đốc Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm thủy sản Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NN. (243.2021)

CHỦ TỊCH



Đỗ Minh Tuấn

PHỤ LỤC:

Nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án mở rộng năng lực thử nghiệm, chứng nhận chất lượng cho Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa, giai đoạn từ 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: triệu đồng.

Số TT	Nội dung hoạt động	Kinh phí thực hiện		
		Ngân sách nhà nước	Hoạt động dịch vụ của đơn vị	Tổng số
	TỔNG SỐ	23.000	8.500	31.500
I	Nhiệm vụ: nghiên cứu xây dựng và phát triển lĩnh vực thử nghiệm định danh, sàng lọc hóa chất độc hại tại Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa	23.000	2.500	25.500
1	Đầu tư mua sắm: - Hệ thống sắc ký lỏng siêu hiệu năng ghép khối phổ lai tứ cực và thời gian bay LC/Q-TOP - Hệ thống định danh vi sinh vật Vitek MS - Các trang thiết bị phụ trợ	23.000		23.000
2	Sửa chữa cải tạo hạ tầng: - Cải tạo các phòng làm việc nhận từ Chi cục QLCL nông lâm thủy sản thành phòng thí nghiệm. - Bổ sung lắp đặt hệ thống xử lý khí thải, nước thải.		2.000	2.000
3	Đào tạo cán bộ vận hành chuyên sâu hệ thống định danh; mua hóa chất chuẩn, chất chuẩn, vật tư tiêu hao...		500	500
II	Nhiệm vụ: mở rộng lĩnh vực thử nghiệm định lượng các chỉ tiêu hóa học và sinh học		3.350	3.350
1	Mua sắm - Vật tư tiêu hao - Hóa chất - Chất chuẩn...		2.000	2.000
2	Bảo dưỡng, hiệu chuẩn, kiểm định trang thiết bị		500	500
3	Đào tạo thử nghiệm, hệ thống chất lượng, tham gia các chương trình thử nghiệm thành thạo, thử nghiệm liên phòng đối với các chỉ tiêu mở rộng		500	500
4	Rà soát bổ sung hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 17025 cho các lĩnh vực thử nghiệm cần mở rộng		50	50
5	Công nhận đạt chuẩn theo ISO 17025 và được các Bộ NN&PTNT, Bộ Y tế và các cơ quan chức năng chỉ định		300	300

Số TT	Nội dung hoạt động	Kinh phí thực hiện		
		Ngân sách nhà nước	Hoạt động dịch vụ của đơn vị	Tổng số
	theo quy định.			
III	Nhiệm vụ: mở rộng lĩnh vực hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng và chứng nhận sản phẩm		1.050	1.050
1	Đào tạo chuyên gia đánh giá theo tiêu chuẩn (về hệ thống quản lý chất lượng, chứng nhận sản phẩm) mở rộng		500	500
2	Phối hợp với các tổ chức chứng nhận đã được chỉ định để bổ sung kỹ năng, kinh nghiệm đánh giá cho chuyên gia theo quy định.		200	200
3	Rà soát bổ sung hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 17065 cho các lĩnh vực chứng nhận cần mở rộng		50	50
4	Công nhận đạt chuẩn theo ISO 17065 và được các Bộ NN&PTNT, Bộ Y tế và các cơ quan chức năng chỉ định theo quy định.		300	300
IV	Nhiệm vụ nâng cao hiệu quả phục vụ công tác quản lý nhà nước và dịch vụ công về kiểm nghiệm và chứng nhận		1.600	1.600
1	Xây dựng và áp dụng phần mềm quản lý các khâu trong hoạt động thử nghiệm (từ tiếp nhận mẫu đến trả kết quả thử nghiệm) - Thuê tư vấn xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu - Tổ chức tập huấn - Vận hành - Sửa chữa, nâng cấp phù hợp theo từng giai đoạn		700	700
2	Xây dựng và áp dụng phần mềm quản lý hoạt động chứng nhận (từ tiếp nhận mẫu đến trả kết quả thử nghiệm) - Thuê tư vấn xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu - Tổ chức tập huấn - Vận hành - Sửa chữa, nâng cấp phù hợp theo từng giai đoạn		600	600
3	Tăng cường quảng bá uy tín, hình ảnh của đơn vị trên các kênh thông tin - Nâng cấp trang web của Trung tâm - Thuê quảng cáo Web, fanpage trên hệ thống các trang mạng		300	300